

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)
 Từ 01/01/2009 đến 31/12/2009

DVT : VNĐ

| Chỉ tiêu | MS | Thuyết minh | Kỳ này 31/12/09 | Kỳ trước 31/12/08 |
|---|-----------|---------------|-------------------------|-------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD | | | | |
| 1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 | | 374.940.635.531 | 428.972.433.203 |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 | | (299.239.314.154) | (378.016.697.124) |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 | | (29.045.295.387) | (24.203.445.905) |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 | | | (406.233.333) |
| 5. Tiền chi nộp thuế TNDN | 05 | | (2.260.534.472) | (2.615.302.008) |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động KD | 06 | | 8.073.119.009 | 5.283.485.295 |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 07 | | (7.833.581.158) | (12.533.872.407) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 44.635.029.369 | 16.480.367.721 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | | (4.124.574.247) | (3.592.244.956) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 60.180.242 | 324.224.091 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác | 23 | | | |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (14.550.896.603) | |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | | |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | | 901.696.884 | 112.817.229 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (17.713.593.724) | (3.155.203.636) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH | 31 | | | |
| 2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | | |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | | | 5.000.000.000 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | | | (8.000.000.000) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | | |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho CSH | 36 | | (6.017.647.000) | (8.692.593.648) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (6.017.647.000) | (11.692.593.648) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40) | 50 | | 20.903.788.645 | 1.632.570.437 |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ | 60 | | 10.476.525.882 | 8.777.296.380 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | 132.749.094 | 66.659.065 |
| Tiền và tổng cộng tiền cuối kỳ (70=50+60+61) | 70 | VII.34 | 31.513.063.621 | 10.476.525.882 |

Lập ngày 11 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu

Kế Toán Trưởng

Tổng Giám Đốc

Phạm Thanh Loan

Nguyễn Thị Nga

Phạm Thị Thu Hồng